

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: /2025/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2025

Dự thảo lần 1

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về một số chế độ và điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 87/2015/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 1004/2020/UBTVQH14 ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập và quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

Xét Tờ trình số...../TTr-HĐND ngày tháng ... năm 2025 của Ban Pháp chế - Hội đồng nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về một số chế độ và điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND ngày tháng ... năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về một số chế độ và điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điểm, khoản của Điều 5 như sau:

1. Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Bồi dưỡng tham gia kỳ họp HĐND

a) Chủ tọa kỳ họp HĐND tỉnh: 200.000 đồng/người/buổi; kỳ họp HĐND cấp xã: 150.000 đồng/người/buổi.

b) Đại biểu HĐND, Thư ký kỳ họp HĐND tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi; kỳ họp HĐND cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi.

c) Đại biểu khách mời; công chức, người lao động trực tiếp tham mưu, phục vụ kỳ họp; phóng viên của Báo, Đài tham dự kỳ họp HĐND tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi; kỳ họp HĐND cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Bồi dưỡng công tác soạn thảo tài liệu phục vụ kỳ họp HĐND

a) Soạn thảo bài phát biểu khai mạc, bế mạc, dự kiến chương trình kỳ họp, kịch bản điều hành, gợi ý thảo luận, tổng hợp ý kiến thảo luận, thông báo kết quả...(gọi chung là bộ tài liệu): Kỳ họp HĐND tỉnh: 1.000.000 đồng/bộ tài liệu; kỳ họp HĐND cấp xã: 400.000 đồng/bộ tài liệu.

b) Hoàn thiện biên bản: 500.000 đồng/kỳ họp HĐND tỉnh; 200.000 đồng/kỳ họp HĐND cấp xã.

c) Báo cáo, nghị quyết cá biệt do Thường trực HĐND, các Ban của HĐND soạn thảo trình kỳ họp HĐND tỉnh: 500.000 đồng/văn bản; kỳ họp HĐND cấp xã: 300.000 đồng/văn bản.

d) Báo cáo Tổng kết nhiệm kỳ của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND.

- Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/báo cáo của HĐND; 2.000.000 đồng/báo cáo của Thường trực HĐND; 1.000.000 đồng/báo cáo của các Ban của HĐND.

- Cấp xã: 500.000 đồng/báo cáo của HĐND; 400.000 đồng/báo cáo của Thường trực HĐND; 300.000 đồng/báo cáo của các Ban của HĐND”.

3. Bãi bỏ cụm từ “200.000 đồng/dự thảo của cấp huyện” tại điểm a Khoản 3.

4. Sửa đổi khoản 4 như sau:

“4. Bồi dưỡng tham gia hội nghị, cuộc họp, phiên họp của Thường trực HDND, các Ban của HĐND

a) Chủ trì hội nghị, cuộc họp, phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi.

b) Đại biểu HĐND, Thư ký hội nghị, cuộc họp, phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh: 120.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi.

c) Đại biểu khách mời; công chức, người lao động trực tiếp tham mưu, phục vụ kỳ họp; phóng viên của Báo, Đài tham dự hội nghị, cuộc họp, phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi.

d) Trường hợp hội nghị, cuộc họp, phiên họp phải chuẩn bị các tài liệu có liên quan thì áp dụng mức bồi dưỡng bằng 70% mức quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.”

Điều 2. Sửa đổi khoản 1, khoản 2, khoản 3 của Điều 6 như sau:

“1. Chế độ đối với hoạt động giám sát chuyên đề của HĐND

a) Soạn thảo kế hoạch, đề cương, quyết định thành lập Đoàn giám sát, thông báo... (gọi chung là bộ tài liệu): 2.000.000 đồng/bộ tài liệu đối với tỉnh; 1.000.000 đồng/bộ tài liệu đối với cấp xã.

b) Soạn thảo báo cáo kết quả giám sát: 4.000.000 đồng/báo cáo của tỉnh; 1.000.000 đồng/báo cáo của cấp xã.

c) Soạn thảo nghị quyết thông qua kết quả giám sát: Bằng 50% mức chi tại điểm b khoản này.

d) Bồi dưỡng đối tượng tham gia Đoàn giám sát: Ngoài chế độ công tác phí theo quy định của pháp luật, thành viên đoàn giám sát còn được hưởng mức bồi dưỡng như sau:

- Trưởng đoàn của tỉnh (nếu Trưởng đoàn vắng thì Phó Trưởng đoàn được hưởng chế độ như Trưởng đoàn): 200.000 đồng/buổi/người; cấp xã: 150.000 đồng/buổi/người.

- Thành viên đoàn của tỉnh; thành viên tổ thư ký/tổ giúp việc của tỉnh: 120.000 đồng/buổi/người; cấp xã: 80.000 đồng/buổi/người.

- Công chức, người lao động trực tiếp tham mưu, phục vụ; phóng viên của Báo, Đài của tỉnh tham gia Đoàn: 100.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 60.000 đồng/buổi/người.

đ) Thuê chuyên gia

Tuỳ theo nội dung và tính chất của chuyên đề giám sát, Thường trực HĐND xem xét ký hợp đồng với chuyên gia để phục vụ hoạt động giám sát của HĐND,

Thường trực HĐND, với mức chi: 3.000.000 đồng/chuyên gia/chuyên đề của tỉnh; 1.500.000 đồng/chuyên gia/chuyên đề của cấp xã”.

2. Đối với hoạt động giám sát chuyên đề; giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; kiến nghị của cử tri của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND: Bằng 80% mức bồi dưỡng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đối với hoạt động giám sát của Tổ đại biểu HĐND: Bằng 60% mức bồi dưỡng quy định tại khoản 1 Điều này.”.

Điều 3. Sửa đổi khoản 2, khoản 3, khoản 4 của Điều 7 như sau:

“2. Báo cáo thẩm tra các nội dung còn lại

a) Của tỉnh: 700.000 đồng/báo cáo;

b) Cấp xã: 200.000 đồng/báo cáo.

3. Báo cáo phối hợp thẩm tra: mức chi bằng 50% mức chi quy định tại khoản 1, 2 Điều này.

4. Chi xây dựng báo cáo chuyên đề của Thường trực HĐND theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền: 1.000.000 đồng/báo cáo của tỉnh; 300.000 đồng/báo cáo của cấp xã”.

Điều 4. Sửa đổi Điều 8 như sau:

“1. Đại biểu HĐND được hỗ trợ kinh phí khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ, với mức như sau:

a) Đại biểu HĐND tỉnh: 3.000.000 đồng/người/năm.

b) Đại biểu HĐND cấp xã: 1.000.000 đồng/người/năm.

2. Riêng năm chuyên gia nhiệm kỳ, đại biểu HĐND (không bao gồm đại biểu tái cử) được hưởng bằng 50% mức hỗ trợ tại khoản 1 Điều này.”

Điều 5. Sửa đổi, bãi bỏ một số điểm, khoản của Điều 10

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau:

“c) Đại biểu HĐND cấp xã

- Đại biểu hoạt động chuyên trách: 150.000 đồng/người/tháng.

- Thành viên các Ban của HĐND cấp xã: 120.000 đồng/người/tháng.

- Đại biểu hoạt động không chuyên trách: 80.000 đồng/người/tháng.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

“c) Đại biểu HĐND cấp xã

- Đại biểu hoạt động chuyên trách: 1.000.000 đồng/người/năm.

- Thành viên các Ban của HĐND cấp xã: 750.000 đồng/người/năm.
- Đại biểu hoạt động không chuyên trách: 600.000 đồng/người/năm.”.

3. Bãi bỏ điểm b khoản 1, điểm b khoản 2.

Điều 6. Sửa đổi Điều 11 như sau:

“Điều 11. Hỗ trợ hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Hỗ trợ Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Tổ có số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân dưới 5 đại biểu: 2.000.000 đồng/Tổ/năm;

b) Tổ có số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân từ 5 đến dưới 10 đại biểu: 4.000.000 đồng/Tổ/năm;

c) Tổ có số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân từ 10 đại biểu trở lên: 6.000.000 đồng/Tổ/năm.

2. Hỗ trợ Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã

a) Tổ có số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân dưới 10 đại biểu: 1.500.000 đồng/Tổ/năm;

b) Tổ có số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân từ 10 đến dưới 20 đại biểu: 3.000.000 đồng/Tổ/năm;

c) Tổ có số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân từ 20 đại biểu trở lên: 5.000.000 đồng/Tổ/năm.”

Điều 7. Sửa đổi một số điểm, khoản của Điều 12 như sau:

1. Sửa đổi điểm a, điểm b khoản 1 như sau:

“a) Mức thăm hỏi tập thể do tỉnh tổ chức: 2.000.000 đồng/lần/đối tượng; cấp xã tổ chức: 1.000.000 đồng/lần/đối tượng.

b) Mức thăm hỏi cá nhân do tỉnh tổ chức: 1.000.000 đồng/lần/đối tượng; cấp xã tổ chức: 500.000 đồng/lần/đối tượng.”.

2. Sửa đổi điểm a, điểm b khoản 2 như sau:

“a) Thăm hỏi một lần khi mắc bệnh hiểm nghèo, từ trần: do tỉnh tổ chức: 3.000.000 đồng/lần/đối tượng; cấp xã tổ chức: 1.500.000 đồng/lần/đối tượng;

b) Thăm hỏi khi ốm đau (không quá 02 lần/năm/đối tượng): do tỉnh tổ chức: 1.000.000 đồng/lần/đối tượng; cấp xã tổ chức: 500.000 đồng/lần/đối tượng.”

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2025.

2. Bãi bỏ một số cụm từ, một số nội dung tại một số điểm, khoản của các Điều của Quy định về một số chế độ và điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk như sau:

a) Bãi bỏ cụm từ “Hội đồng nhân dân huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện)”;
“thị trấn” tại khoản 1 Điều 1 Chương I.

b) Bãi bỏ cụm từ “cấp huyện” tại khoản 1 Điều 2 Chương I.

c) Bãi bỏ điểm b khoản 1; điểm b khoản 2; điểm b khoản 3 của Điều 4 Chương II.

d) Bãi bỏ cụm từ “Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện: 4.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ” tại điểm b khoản 1 Điều 9 Chương II.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, Kỳ họp thông qua ngày... tháng... năm 2025.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Cục KTVB và QL XLVPHC – Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Đảng ủy HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành ở tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk;
- Trung tâm Công nghệ và Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, Ct.HĐND.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

